

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25-9-2017
V/v "Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Nguyên Thoại.

2. Ông: Lục Văn Văn.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nhâm Đình Mạnh-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh-Kiểm sát viên.

Hội 13 giờ 35 phút, ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố L, mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 124/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 7 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hồng V, sinh năm 1973.

Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Tự do.

Địa chỉ: Tổ 02, phường Thống Nh, thành phố L, tỉnh Lào Cai, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1976.

Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Tự do.

Địa chỉ: Tổ 2, phường Thống Nh, thành phố L, tỉnh Lào Cai, vắng mặt.

3. Người làm chứng:

Bà: Lê Thị Mai Kh.

Địa chỉ: Tổ 2, phường Thống Nh, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Bà: Lê Thị D.

Địa chỉ: Tổ 2, phường Thống Nh, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Anh: Nguyễn Mạnh H.

Địa chỉ: Tổ 2, phường Thống Nh, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 5 năm 2017, tại bản tự khai và tại phiên tòa anh Nguyễn Hồng V trình bày:

Anh Nguyễn Hồng V và chị Phạm Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 10 năm 1997, tại ủy ban nhân dân phường Thống Nhất, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến được một thời gian, đến những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp thường xuyên xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng cuộc sống vợ chồng không cải thiện. Tôi và chị Nết đã ly thân đến nay đã được gần 2 năm không còn quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay anh Nguyễn Hồng V xác định không còn tình cảm đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Phạm Thị N.

Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị Phạm Thị N có 01 con chung cháu Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2000, anh đề nghị giao cháu Nguyễn Thị Hồng H cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, còn anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh Nguyễn Hồng V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 24 tháng 7 năm 2017 chị Phạm Thị N trình bày:

Trong thời gian chung sống vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau và do anh Nguyễn Hồng V quan hệ với người phụ nữ khác. Chị chỉ nhất trí ly hôn khi anh Nguyễn Hồng V để lại toàn bộ tài sản cho cháu Nguyễn Thị Hồng H.

Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị N xác định chị và anh Nguyễn Hồng V có 01 con chung cháu Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2000. Chị không có ý kiến đề nghị đề nghị gì về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Hồng V giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết anh được ly hôn với chị Phạm Thị N và đề nghị giao cháu Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2000 cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng, tính từ ngày xét xử.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký đã tiến hành các thủ tục tố tụng đầy đủ đúng quy định pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án tiến hành đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định nhưng bị đơn từ chối nhận văn bản, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ thủ tục tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 ; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu của anh Nguyễn Hồng V, về việc yêu cầu ly hôn và việc giao nuôi con chung cho chị Phạm Thị N nuôi dưỡng, còn anh Nguyễn Hồng V có nghĩa vụ thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng cho cháu Nguyễn Thị Hồng H theo quy định pháp luật.

Tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với chị Phạm Thị N để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng chị Phạm Thị N vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị N theo quy định khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng V và chị Phạm Thị N đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 10 năm 1997, tại Ủy ban nhân dân phường Thống Nh, thành phố L, tỉnh Lào Cai là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Anh, chị đều thừa nhận nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau dẫn đến ly thân. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống không có tình cảm hạnh phúc nên cần chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hồng V là phù hợp; Đồng thời xem xét việc chị Phạm Thị N cho rằng anh Nguyễn Hồng V có quan hệ với người phụ nữ khác, nhưng chị không cung cấp được chứng cứ, chị đề nghị được đoàn tụ là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ chị Phạm Thị N thừa nhận cuộc sống chung vợ chồng mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân đến nay đã được gần 2 năm, không ai quan tâm trách nhiệm đến ai.

[3] Hội đồng xét xử nhận định về quan hệ con chung và quyền trực tiếp nuôi con: Anh Nguyễn Hồng V và chị Phạm Thị N đều thừa nhận trong thời gian chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2000. Anh Nguyễn Hồng V và chị Phạm Thị N đều là lao động tự do, thu nhập hàng tháng ổn định tương đương nhau có khả năng điều kiện nuôi con, đảm bảo cuộc sống của bản thân và nuôi con chung. Hiện nay cháu Nguyễn Thị Hồng H đang sinh sống cùng chị Phạm Thị N và có nguyện vọng ở với chị Phạm Thị N, anh Nguyễn Hồng V đề nghị giao con chung cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, có căn cứ giao cháu Nguyễn Thị Hồng H cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Hội đồng xét xử nhận định về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Hồng V cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng anh Nguyễn Hồng V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, số tiền là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tính từ ngày 25 tháng 9 năm 2017. Như vậy có căn cứ chấp nhận, anh Nguyễn Hồng V có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Nguyễn Thị Hồng H số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi; đồng thời ấn định thời gian cấp dưỡng nuôi con, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi của con chung, phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc anh Nguyễn Hồng V phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hồng V đối với chị Phạm Thị N.

Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Hồng V được ly hôn với chị Phạm Thị N.

Về quan hệ con chung:

Giao cháu Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2000 cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Hồng V phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng cho cháu Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2000 đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc thực hiện cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2017.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày tuyên án, chị Phạm Thị N có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng anh Nguyễn Hồng V phải chi thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Về án phí:

Buộc anh Nguyễn Hồng V phải chịu số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/ 0004295 ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai. Như vậy, anh Nguyễn Hồng V còn phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn anh Nguyễn Hồng V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn chị Phạm Thị N vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, TP;
- Chi cục THADS TP;
- Dương sự;
- STP;
- UBND phường Thống Nh;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Hà